TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 06-5-2025.
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Kha;

2. Ông Bùi Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:* Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Cảnh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số B, tổ H, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Cảnh T trình bày:

Giữa anh và chị T1 không quen biết vì anh ở địa phương khác đến kinh doanh sửa chữa mua bán xe đạp điện. Chị T1 đến cửa hàng mua xe đạp điện trả góp, anh đồng ý. Vào ngày 26/12/2023, hai bên ký kết hợp đồng mua bán hàng

hóa trả góp giá 12.775.000 đồng, trả trước 3.000.000 đồng, còn lại góp trong thời hạn 06 tháng, mỗi tháng góp 1.629.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng. Sau đó chị T1 có đến thương lượng cho rằng không có khả năng nên xin góp thời gian dài hơn, anh đồng ý. Hai bên ký kết lại hợp đồng mua bán xe đạp điện trả góp ngày 12/3/2024, góp trong thời hạn 10 tháng, mỗi tháng góp 1.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng nhưng chị T1 không góp được khoản tiền nào. Anh có liên lạc yêu cầu trả nhiều lần nhưng chị T1 cứ hẹn mà không trả và cố tình né tránh. Do đó, anh yêu cầu chị T1 trả lại cho anh số tiền còn nợ lại là 9.775.000 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Theo hợp đồng mua bán có ghi người thân là Trương Quốc Đ, tuy nhiên chỉ ghi thông tin họ tên số điện thoại chỉ để liên lạc nhắc nhở chị T1 trả góp hàng tháng, anh Đ không có trách nhiệm gì đối với số tiền nợ trên.

- *Bị đơn chị Trần Thị T1 trình bày:* Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T1 vẫn vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Cảnh T về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" đối với chị Trần Thị T1. Buộc chị Trần Thị T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Cảnh T số tiền là 9.775.000 đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả.

+ Về án phí: Chị Trần Thị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn chị Trần Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: anh Nguyễn Cảnh T yêu cầu chị Trần Thị T1 trả số tiền mua bán xe đạp điện còn nợ là 9.775.000 đồng (chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp Hợp đồng mua bán hàng hóa trả góp ngày 26/12/2023 và hợp đồng mua bán xe đạp điện trả góp ngày 12/3/2024 mà hai bên ký kết.

[3.2] Chị Trần Thị T1 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh T trong Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc thu thập, tiếp cận tài liệu chứng cứ và nội dung những vấn đề cần hòa giải trong các thông báo hòa giải nhưng chị T1 không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng, chị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và sự hỗ trợ của Công an xã mời chị T1 đến Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của anh T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của anh T cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định, chị T1 có mua xe đạp điện trả góp của anh T và còn nợ số tiền là 9.775.000 đồng là có thật nên yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc chị T1 có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị T1 trả lãi trên số tiền chậm trả.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Cảnh T nên chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Cảnh T về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" đối với chị Trần Thị T1.

Buộc chị Trần Thị T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Cảnh T số tiền 9.775.000 đồng (chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị T1 trả lãi trên số tiền chậm trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

- Buộc chị Trần Thị T1 phải chịu 489.000 (bốn trăm tám mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Cảnh T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012458 ngày 21-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui